

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12-5-2021

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình về
ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thúy

Ông Thái Kim Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Ngô Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 552/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Minh C, sinh năm: 1978 “Vắng mặt”.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm: 1984 “Vắng mặt”.

Cùng địa chỉ: Tổ 17, ấp S, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ghi ngày 15-10-2020 và qua các lần làm việc, nguyên đơn anh Lê Minh C trình bày: Anh và Nguyễn Thị Kim L sống chung với nhau vào năm 2002, hôn nhân tự nguyện, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G vào ngày 19-7-2008. Vợ chồng không có tổ chức lễ cưới, chỉ làm lễ phạt, có nữ trang ngày cưới nhưng vợ chồng đã bán hết. Sau khi đến với nhau vợ chồng sống chung với cha mẹ anh tại ấp S, xã P cho đến khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn.

Vợ chồng có 02 con chung gồm Lê Hoàng N, sinh ngày 14-7-2004 và Lê Thị Thùy T, sinh ngày 23-01-2007, hiện cả 02 con đang sống với anh.

Vợ chồng chung sống không có tài sản chung cũng như không có nợ chung

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ anh đi làm xí nghiệp, có tình cảm với người đàn ông khác. Từ đó, vợ anh bỏ nhà đi và để lại 02 con cho anh nuôi. Đầu năm 2020, anh có nghe thông tin vợ anh bị xử phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản” và phải đi chấp hành tại tỉnh B. Đến cuối năm 2020, vợ anh chấp hành án xong nhưng vẫn không quay về nhà. Sau khi anh nộp đơn ly hôn, anh có liên lạc qua điện thoại với vợ anh, kêu vợ anh về để giải quyết việc ly hôn. Tuy nhiên vợ anh không về, cũng không nói cho anh biết hiện đang sinh sống và làm việc tại đâu nên anh không biết thông tin gì về vợ anh. Vợ chồng ly thân từ năm 2019 đến nay và không ai có thiện chí hàn gắn gia đình.

Nay anh yêu cầu được ly hôn với vợ anh là chị Nguyễn Thị Kim L.

Về con chung anh yêu cầu được tiếp tục trông nom chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cả 02 con chung và không yêu cầu vợ anh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung anh không yêu cầu giải quyết

Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc nhưng chị L vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Tòa án không thu thập được ý kiến của chị L đối với các yêu cầu của anh C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh C đối với chị L. Về con chung: Giao 02 con chung cho anh C nuôi; ghi nhận anh C không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Anh C không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự là phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh C và chị L sống chung với nhau vào năm 2002, hôn nhân tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G vào ngày 19-7-2008, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công

nhận và bảo vệ. Nay anh C có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Qua lời trình bày của anh C thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị L có tình cảm với người đàn ông khác. Sau đó, chị L bỏ nhà đi từ 2019 cho đến nay không quay về, cho thấy chị L đã bỏ mặc không còn quan tâm đến chồng con và không có thiện chí hàn gắn gia đình. Nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh C đối với chị L là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: anh C yêu cầu được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Thấy rằng, yêu cầu của anh C phù hợp với nguyên vọng của cả 02 cháu là muốn được tiếp tục sống với cha. Vì vậy, để bảo đảm cho sự phát triển bình thường và quyền lợi về mọi mặt cho các cháu, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của anh C, giao 02 con chung của anh chị gồm Lê Hoàng N, sinh ngày 14-7-2004 và Lê Thị Thùy T, sinh ngày 23-01-2007 cho anh C được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: anh C không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào chị L có yêu cầu sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[2.4] Về án phí: Anh C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về phí, lệ phí Tòa án:

1/. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Minh C đối với chị Nguyễn Thị Kim L. Anh C được ly hôn với chị L.

2/. Về con chung: Giao anh Nguyễn Minh C được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung gồm: Lê Hoàng N, sinh ngày 14-7-2004 và Lê Thị Thùy T, sinh ngày 23-01-2007. Ghi nhận anh C không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Anh C không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào chị L có yêu cầu sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

4/. Về án phí: Anh C chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh C đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012383 ngày 20-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Anh C đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện G;
- CC THADS huyện G;
- UBND xã P, huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Vân Quỳnh

